

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

| | |
|------------------------------|---------------------------------------|
| Trình độ đào tạo | : ĐẠI HỌC |
| Ngành | : KẾ TOÁN |
| Mã ngành | : 52 34 03 01 |
| Tên ngành (Tiếng Anh) | : ACCOUNTING |
| Tên chuyên ngành | : KẾ TOÁN |
| Tên chuyên ngành (Tiếng Anh) | : ACCOUNTING |
| Mã chuyên ngành | : 52 34 03 01 01 |
| Loại hình đào tạo | : Chính quy |
| Hình thức đào tạo | : Chương trình đào tạo chất lượng cao |

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán có **năng lực** về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên ngành Kế toán khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

| TT | Mã CDR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản |
|----|---------------------|---|
| 1 | CĐR1 | Hiểu biết những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 2 | CĐR2 | Hiểu biết những kiến thức cốt lõi về pháp luật đại cương, về toán kinh tế |



| | | |
|---|------|--|
| 3 | CĐR3 | Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức nền tảng về kinh tế và quản lý |
| 4 | CĐR4 | Nắm bắt và thực hành được tiếng Anh căn bản |
| 5 | CĐR5 | Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về tin học cơ bản trong hành chính và trong chuyên môn. |

Kiến thức nghề nghiệp

| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kiến thức nghề nghiệp |
|----|---------------------|--|
| 1 | CĐR6 | Hiểu biết những kiến thức chuyên sâu về kế toán, thuế, kiểm toán |
| 2 | CĐR7 | Triển khai thực hiện được công tác kế toán, thuế, kiểm toán ở các tổ chức |
| 3 | CĐR8 | Nhận dạng, phân tích, xử lý tốt các tình huống phát sinh trong lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính của tổ chức |
| 4 | CĐR9 | Đánh giá, giám sát, kiểm tra, thẩm định các vấn đề liên quan đến kế toán, thuế, tài chính |
| 5 | CĐR10 | Tổ chức công tác kế toán trong các tổ chức phù hợp với đặc thù của tổ chức. |

2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản |
|----|---------------------|---|
| 1 | CĐR11 | Có năng lực dẫn dắt, điều hành, có khả năng phối hợp, làm việc nhóm |
| 2 | CĐR12 | Có khả năng làm việc trong môi trường áp lực cao ở các công ty nước ngoài |
| 3 | CĐR13 | Có thể giao tiếp và giải quyết công việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh IELTS 5.0 (hoặc tương đương) trở lên |
| 4 | CĐR14 | Có kỹ năng mềm để vận dụng thích hợp trong công việc và ứng xử trong giao tiếp xã hội |
| 5 | CĐR15 | Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành) |

Kỹ năng nghề nghiệp

| TT | Mã CDR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp |
|----|---------------------|---|
| 1 | CDR16 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức về kinh tế và quản lý vào hoạt động của tổ chức |
| 2 | CDR17 | Có kỹ năng vận dụng linh hoạt kiến thức kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính vào tổ chức, vào các tình huống cụ thể |
| 3 | CDR18 | Có kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách |
| 4 | CDR19 | Có kỹ năng nhận định, đánh giá, giám sát, kiểm tra công tác kế toán, thuế, kiểm toán của tổ chức |
| 5 | CDR20 | Có năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp: có khả năng tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn; Có khả năng tổ chức thực hiện các công việc kế toán, kiểm toán phù hợp với đặc thù của tổ chức và đáp ứng yêu cầu của quản lý. |

2.3. Thái độ và hành vi

| TT | Mã CDR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi |
|----|---------------------|---|
| 1 | CDR21 | Chăm chỉ, nhiệt tình, cẩn thận, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với khó khăn |
| 2 | CDR22 | Yêu nghề, có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp |
| 3 | CDR23 | Có trách nhiệm với công việc, với xã hội; có tinh thần cầu tiến, chuyên nghiệp trong công việc. Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội |
| 4 | CDR24 | Có thái độ hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp. |



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN